

Số:1061

/QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh dự toán năm 2023 thực hiện Dự án “Thiết lập chuỗi giá trị nông sản thông minh và an toàn tại Việt Nam”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-BNN-TCCB ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện công tác sáp nhập Vụ Quản lý Doanh nghiệp vào Vụ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC, ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5661/QĐ-BNN-TC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy chế quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1174/QĐ-BNN-TC ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Dự toán vốn đối ứng năm 2022 của Dự án;

Căn cứ Quyết định số 4850/QĐ-BNN-TC ngày 14/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Dự toán vốn đối ứng năm 2023 thực hiện Dự án;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tin học và Thống kê tại văn bản số 09/TTr-CĐS ngày 17/3/2023 về việc xin phê duyệt điều chỉnh dự toán vốn đối ứng năm 2023 thực hiện Dự án;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán năm 2023 thực hiện Dự án “Thiết lập chuỗi giá trị nông sản thông minh và an toàn tại Việt Nam” do Trung tâm Tin học và Thống kê (Trung tâm) là Chủ dự án, gồm các nội dung sau:

1. Dự toán được duyệt: 3.829.043.500 đồng, trong đó:
 - Vốn viện trợ bằng hàng: 1.909.099.500 đồng.
 - Vốn đối ứng: 1.919.944.000 đồng.
2. Nguồn vốn: Vốn đối ứng Ngân sách nhà nước. Loại khoản: 280-281 (không thường xuyên)

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 4850/QĐ-BNN-TC ngày 14/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ Dự án:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nội dung công việc theo đúng tiến độ, quy định, tuân thủ các quy định của Chính phủ Việt Nam và Nhà tài trợ.

- Báo cáo Bộ điều chỉnh các nội dung liên quan đến Dự án khi Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm theo Nghị định số 105/2022/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTr Phùng Đức Tiến (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TC.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Phạm Thanh Huyền

Phụ lục:
DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2023
DỰ ÁN: THIẾT LẬP CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN THÔNG MINH VÀ AN TOÀN TẠI VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TC ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Được phê duyệt tại QĐ 4850 (đồng)	Được phê duyet điều chỉnh (đồng)	Tăng/ giảm (3=2-1)	Lý do điều chỉnh
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (5)- (4)	(7)
	Tổng cộng				3.829.043.500	3.829.043.500	0	
I	Vốn viện trợ bằng hàng				1.909.099.500	1.909.099.500	0	Không điều chỉnh
II	Vốn đối ứng				1.919.944.000	1.919.944.000	0	
1	Phụ cấp BQL dự án (7 người gồm: Giám đốc BQL DA; Phó giám đốc; Điều phối viên; Cán bộ kỹ thuật (2 người); Kế toán; Thư ký.	tháng	12		285.098.800	275.098.800	(10.000.000)	Do thay đổi Giám đốc dự án, hệ số phụ cấp thay đổi
2	Giám sát các hoạt động dự án trong năm (4 đợt x 3 người BQLDA x 5 ngày/đợt. Địa điểm tại Đà Lạt, Lâm Đồng)				171.000.000	114.000.000	(57.000.000)	Do giảm số đợt đi công tác
	<i>Vé máy bay (4 đợt x 3 người/đợt)</i>	<i>vé</i>	<i>12</i>	<i>6.700.000</i>		<i>80.400.000</i>		
	<i>Công tác phí (3 người* 5 ngày* 4 đợt)</i>	<i>ngày</i>	<i>60</i>	<i>200.000</i>		<i>12.000.000</i>		
	<i>Tiền lưu trú (3 người* 4 đêm* 4 đợt)</i>	<i>đêm</i>	<i>48</i>	<i>450.000</i>		<i>21.600.000</i>		
3	Hợp định kỳ hàng tháng BQL dự án hoặc với nhà tài trợ/bên liên quan				12.600.000	12.600.000	0	
	<i>7 người * 12 cuộc họp/năm</i>	<i>người.cuộc</i>	<i>84</i>	<i>150.000</i>		<i>12.600.000</i>		
4	Lễ khai trương khu nhà kính thông minh tại Đà Lạt, Lâm Đồng				0	234.685.000	234.685.000	Theo đề nghị của đối tác Hàn Quốc
4,1	Tổ chức sự kiện (60 đại biểu tham dự)	gói	1	175.285.000		175.285.000		
4,2	Chi phí cho BQLDA tham dự (6 người)					49.200.000		
	Vé máy bay	<i>vé</i>	<i>6</i>	<i>6.700.000</i>		<i>40.200.000</i>		
	Tiền lưu trú (6 người*2 đêm)	<i>đêm</i>	<i>12</i>	<i>450.000</i>		<i>5.400.000</i>		
	Công tác phí (6 người *3 ngày)	<i>ngày</i>	<i>18</i>	<i>200.000</i>		<i>3.600.000</i>		
4,3	Chi phí cho đại biểu tham dự					10.200.000		
	Đại biểu tham dự	<i>người</i>	<i>60</i>	<i>150.000</i>		<i>9.000.000</i>		

TT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Được phê duyệt tại QĐ 4850 (đồng)	Được phê duyet điều chỉnh (đồng)	Tăng/ giảm (3=2-1)	Lý do điều chỉnh
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (5)- (4)	(7)
	Nước uống	người	60	20.000		1.200.000		
5	Phát sóng sự kiện lễ khai trương/khánh thành mô hình trang trại nhà kính thông minh trên kênh VTC/VOV và 1 kênh truyền hình địa phương (thời lượng 1-2 phút)	gói	1	70.000.000		70.000.000	70.000.000	Theo đề nghị của đối tác Hàn Quốc
6	Nhân công tham gia canh tác, sản xuất trong nhà kính (3 người x 22 ngày công/tháng x12 tháng)	ngày công	792	230.000	182.160.000	182.160.000	0	
7	Theo dõi, bảo trì hệ thống máy chủ dữ liệu (22 ngày công/tháng x 12 tháng)	ngày công	264	245.000	53.592.000	64.680.000	11.088.000	Tăng do tăng đơn giá công
8	Xây dựng phần mềm hỗ trợ ra quyết định và chia sẻ thông tin phân tích dữ liệu canh tác theo quy trình thông minh				150.000.000	0	(150.000.000)	Do đơn vị tư vấn phía Hàn Quốc điều chỉnh kế hoạch, chưa cài đặt và bàn giao phần mềm hệ thống trong năm 2023, nên chưa có cơ sở để triển khai xây dựng
9	Cập nhật cơ sở dữ liệu trực tuyến chia sẻ số liệu giám sát nhà kính				78.672.000	0	(78.672.000)	
10	Báo cáo kỹ thuật về mô hình nhà kính thông minh phục vụ quản lý nhà nước trong trồng trọt và nghiên cứu khoa học				64.368.000	56.620.000	(7.748.000)	Giảm số lượng công
	Xử lý dữ liệu	công	60	298.000		17.880.000		
	Phân tích dữ liệu	công	60	298.000		17.880.000		
	Viết báo cáo	công	70	298.000		20.860.000		
11	Báo cáo hiện trạng về nông nghiệp công nghệ cao tại Việt Nam phục vụ xây dựng kế hoạch/chiến lược phát triển nông nghiệp công nghệ cao				62.580.000	56.620.000	(5.960.000)	Giảm số lượng công

TT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Được phê duyệt tại QĐ 4850 (đồng)	Được phê duyet điều chỉnh (đồng)	Tăng/ giảm (3=2-1)	Lý do điều chỉnh
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (5)- (4)	(7)
	Thu thập dữ liệu của các tỉnh/thành	công	90	298.000		26.820.000		
	Xử lý dữ liệu	công	60	298.000		17.880.000		
	Viết báo cáo	công	40	298.000		11.920.000		
12	Hợp tổng kết Dự án hàng năm tại Đà Lạt				69.410.000	69.910.000	500.000	Tăng đơn giá Banner
	6 người BQLDA tham dự					49.200.000		
	Vé máy bay	<i>vé</i>	6	6.700.000		40.200.000		
	Tiền lưu trú (6 người*2 đêm)	<i>đêm</i>	12	450.000		5.400.000		
	Công tác phí (6 người *3 ngày)	<i>ngày</i>	18	200.000		3.600.000		
	Chi phí tổ chức họp					20.710.000		
	<i>Thuê hội trường (máy chiếu, loa, mic)</i>	<i>HT</i>	1	12.000.000		12.000.000		
	<i>Banner</i>	<i>banner</i>	1	2.000.000		2.000.000		
	<i>Chủ trì</i>	<i>người</i>	1	500.000		500.000		
	<i>Thư ký</i>	<i>người</i>	1	350.000		350.000		
	<i>Đại biểu tham dự</i>	<i>người</i>	30	150.000		4.500.000		
	<i>Nước uống</i>	<i>buổi</i>	34	20.000		680.000		
	<i>Photo tài liệu</i>	<i>bộ</i>	34	20.000		680.000		
13	Duy trì trang website truyền thông hoạt động của Dự án (22 ngày công/tháng x 12 tháng)	công	264	298.000	78.672.000	78.672.000	0	
14	Xây dựng video clip truyền thông mô hình sản xuất thông minh (3 video clip/3 loại cây trồng, độ dài 15-20 phút/video)	video clip	3	160.000.000	480.000.000	480.000.000	0	
15	Chi khác				231.791.200	224.898.200	(6.893.000)	Giảm văn phòng phẩm
	Thuê văn phòng làm việc cho chuyên gia	tháng	10	10.000.000		100.000.000		
	Chi phí VPP, liên lạc, xăng xe...					66.898.200		
	Thuê chuyên gia đánh giá độc lập Dự án	tháng	1	40.000.000		40.000.000		
	Dịch tài liệu Anh Việt/Việt Anh phục vụ các hoạt động của Dự án	trang	150	120.000		18.000.000		